

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại
giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương
đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền
vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai
đoạn 2026-2035;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành
Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện Kết
luận phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nội dung về kinh tế - xã hội
thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 610/TB-UBND ngày
25/7/2026; Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại Kết luận số 492-
KL/ĐU ngày 25/7/2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn
mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới
hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm:

a) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Chi tiết tại Phụ lục I
ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Chi tiết tại
Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-
2030 quy định tại điểm a, điểm b khoản này là căn cứ để đánh giá thực trạng và
mức độ đạt các nội dung tiêu chí đối với các xã và phường An Bình thực hiện xây
dựng nông thôn mới; là căn cứ để thẩm định và xét công nhận các xã và phường
An Bình đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nông thôn mới hiện đại.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã và phường An Bình (theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có liên quan

a) Căn cứ tiêu chí được giao phụ trách tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương, ban hành hướng dẫn thực hiện, đánh giá chi tiết và hồ sơ minh chứng cụ thể các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo đạt mục tiêu, kế hoạch thực hiện nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh do ngành phụ trách.

c) Chịu trách nhiệm thẩm định các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 do ngành phụ trách.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có liên quan, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030; hướng dẫn cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

2. Ủy ban nhân dân các xã và phường An Bình

Chủ động rà soát, đánh giá thực trạng các nội dung tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn; ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn theo lộ trình thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới

hiện đại giai đoạn 2026-2030; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới tại địa phương; chủ trì tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới theo quy định và hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Chế độ báo cáo và cung cấp thông tin

Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã và phường An Bình có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 theo định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm) trước ngày 20 của tháng cuối của từng quý và đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.
2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và phường An Bình; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Điều phối TW CTMTQG;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Chỉ đạo tỉnh các CTMTQG tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Các Sở: NNMT, Tư pháp;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Mah Tiệp

Phụ lục I

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ^[1] , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn			Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Có quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Không quy định		
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Có quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được phê duyệt hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn	Không quy định		

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	- Về đường xã: 100% được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và được thực hiện công tác bảo trì hằng năm; 100% đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế; Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$. - Về đường thôn, ngõ, xóm: 100% được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) và 100% được thực hiện công tác bảo trì hằng năm.	- Về đường xã: 100% được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt và được thực hiện công tác bảo trì hằng năm; 100% có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết; Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$. - Về đường thôn, ngõ, xóm: $\geq 90\%$ được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) và 100% được thực hiện công tác bảo trì hằng năm.	- Về đường xã: 100% được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt và được thực hiện công tác bảo trì hằng năm; 100% có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường $\geq 50\%$. - Về đường thôn, ngõ, xóm: $\geq 50\%$ được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) và 100% được thực hiện công tác bảo trì hằng năm.	Sở Xây dựng

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí	
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm đạt 100%. - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$. - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị hoặc tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 8\%$.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm đạt 100%. - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$. - Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 5\%$.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm đạt 100% (đối với các xã có công trình thủy lợi). - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 50\%$ (đối với các xã có công trình thủy lợi) hoặc diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt		
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$			$\geq 98\%$	Sở Công Thương

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Đáp ứng 01 trong các yêu cầu sau: - Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017 đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Công Thương. - Có siêu thị hạng 3 trở lên đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Công Thương.	Đáp ứng 01 trong các yêu cầu sau: - Có chợ đạt tiêu chí quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có chợ đạt tiêu chí quy định và chợ có ít nhất 01 khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ theo quy định của Bộ Công Thương. - Có siêu thị mini trở lên theo quy định của Bộ Công Thương.	Đáp ứng 01 trong các yêu cầu sau: - Có chợ đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Công Thương. - Có một trong các loại hình cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định của Bộ Công Thương.	Sở Công Thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	- 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	$\geq 9,5\%$			Thống kê tỉnh

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	- Có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng hoặc vật nuôi chủ lực của xã. - Có diện tích hoặc sản lượng vùng nguyên liệu được chứng nhận chất lượng hợp lệ (VietGAP, hữu cơ, HACCP, ISO 22000, chứng nhận sản phẩm an toàn...). - Có hồ sơ quản lý vùng nguyên liệu do UBND xã lưu giữ, cập nhật dữ liệu số trên hệ thống quản lý của cơ quan cấp tỉnh.			Sở Nông nghiệp và Môi trường
				- Có liên kết chế biến và tiêu thụ ổn định theo chuỗi giá trị.	- Có hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.	- Có tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.	
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Có ít nhất 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Có ít nhất 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện thực tế của địa phương	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030. - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên. - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.		- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030. - Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn. - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm.		- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP. - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Có tối thiểu 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau: - Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành. - Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. - Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã. - Có quy mô thành viên tối thiểu 30 thành viên đối với HTX hoạt động lĩnh vực chăn nuôi (bao gồm nuôi trồng thủy sản), tối thiểu 50 thành viên đối với các lĩnh vực còn lại; số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm).			Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; Sở Tài chính phối hợp
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	Có tối thiểu 01 tổ khuyến nông cộng đồng và đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gồm: - Có tổ khuyến nông cộng đồng được UBND xã quyết định thành lập hoặc kiện toàn, có quy chế hoạt động. - Có kế hoạch hoạt động hằng năm và được triển khai thực tế. - Trong năm có ít nhất 02 hoạt động cụ thể. - Có minh chứng cụ thể về kết quả, sản phẩm.	- Đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định. - Đạt từ 60 điểm trở lên theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Hội Nông dân tỉnh

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	- Có xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. - Có số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên.			Sở Tài chính chủ trì; Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp
				- Có số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 15%/năm trở lên	- Có số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 12%/năm trở lên	- Có số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	Có tối thiểu 01 khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gồm: - Khu công nghiệp đáp ứng các yêu cầu theo quy định, gồm: Được quy hoạch phù hợp với quy hoạch tỉnh; Được thành lập theo đúng quy định của pháp luật; Khu đất thực hiện đầu tư khu công nghiệp đã được Nhà nước thu hồi và bàn giao theo quy định của pháp luật. - Cụm công nghiệp đáp ứng các yêu cầu theo quy định, gồm: Có trong danh mục các cụm công nghiệp thuộc quy hoạch tỉnh; Được thành lập theo quy định; Được đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.			Ban Quản lý Khu Kinh tế Sở Công Thương
				- Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 1 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 2 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 3 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt các nội dung theo quy định xã nhóm 1 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm: về cơ sở vật chất văn hóa; về hoạt động văn hóa cơ sở; về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; về di sản văn hóa; về chuyển đổi số, dữ liệu số; về nhân lực quản lý văn hóa.	Đạt các nội dung theo quy định xã nhóm 2 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm: về cơ sở vật chất văn hóa; về hoạt động văn hóa cơ sở; về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; về di sản văn hóa; về chuyển đổi số, dữ liệu số; về nhân lực quản lý văn hóa.	Đạt các nội dung theo quy định xã nhóm 3 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm: về cơ sở vật chất văn hóa; về hoạt động văn hóa cơ sở; về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; về di sản văn hóa; về chuyển đổi số, dữ liệu số; về nhân lực quản lý văn hóa.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	- $\geq 90\%$ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. - $\geq 90\%$ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. - $\geq 90\%$ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác.	- $\geq 80\%$ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. - $\geq 85\%$ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. - $\geq 85\%$ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác.	- $\geq 70\%$ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. - $\geq 80\%$ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. - $\geq 80\%$ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác.	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi. - Đạt giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.			Sở Y tế

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Trạm y tế cấp xã được cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định; là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế cấp xã thuộc tỉnh theo các văn bản pháp luật hiện hành.			Sở Y tế
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	$\geq 80\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	$\geq 70\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	$\geq 40\%$ (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có))	Sở Nông nghiệp và Môi trường

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” ^[2]	Đạt	- Hộ đạt tiêu chuẩn 5 không: không nghèo $\geq 98\%$, không bạo lực $\geq 90\%$, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội $\geq 85\%$, không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học $\geq 85\%$, không lãng phí $\geq 85\%$. - Hộ đạt tiêu chuẩn 3 sạch: sạch nhà (sử dụng nước sạch, có nhà tiêu hợp vệ sinh, phân loại rác thải tại nguồn) $\geq 80\%$, sạch bếp $\geq 90\%$, sạch ngõ $\geq 90\%$. - Hộ đạt tiêu chuẩn 3 an: an toàn $\geq 90\%$, an tâm $\geq 85\%$, an sinh $\geq 85\%$.	- Hộ đạt tiêu chuẩn 5 không: không nghèo $\geq 95\%$, không bạo lực $\geq 85\%$, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội $\geq 80\%$, không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học $\geq 80\%$, không lãng phí $\geq 80\%$. - Hộ đạt tiêu chuẩn 3 sạch: sạch nhà (sử dụng nước sạch $\geq 70\%$, có nhà tiêu hợp vệ sinh $\geq 75\%$, phân loại rác thải tại nguồn $\geq 80\%$), sạch bếp $\geq 85\%$, sạch ngõ $\geq 85\%$. - Hộ đạt tiêu chuẩn 3 an: an toàn $\geq 80\%$, an tâm $\geq 80\%$, an sinh $\geq 80\%$.	- Hộ đạt tiêu chuẩn 5 không: không nghèo $\geq 87\%$, không bạo lực $\geq 80\%$, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội $\geq 75\%$, không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học $\geq 75\%$, không lãng phí $\geq 75\%$. - Hộ đạt tiêu chuẩn 3 sạch: sạch nhà (sử dụng nước sạch $\geq 40\%$, có nhà tiêu hợp vệ sinh $\geq 70\%$, phân loại rác thải tại nguồn $\geq 80\%$), sạch bếp $\geq 80\%$, sạch ngõ $\geq 80\%$. - Hộ đạt tiêu chuẩn 3 an: an toàn $\geq 70\%$, an tâm $\geq 75\%$, an sinh $\geq 70\%$.	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 25% trở lên. - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia. - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ. - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp. - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.			Sở Nội vụ

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Y tế; trong đó, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp $\geq 98\%$	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Y tế; trong đó, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp $\geq 96\%$	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Y tế; trong đó, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp $\geq 94\%$	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	- 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định; không để xảy ra mất an toàn thực phẩm trên địa bàn.			Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Khoa học công nghệ và chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng có khả năng hỗ trợ phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm: Về cơ sở vật chất; Về dịch vụ bưu chính.			Sở Khoa học và Công nghệ

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 95\%$. - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$ - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 85\%$. - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$ - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 70\%$. - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$ - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt các nội dung tiêu chí theo quy định xã nhóm 1 của Bộ Công Thương, gồm: Năng lực và kỹ năng số; Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử địa phương; Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử.	Đạt các nội dung tiêu chí theo quy định xã nhóm 2 của Bộ Công Thương, gồm: Năng lực và kỹ năng số; Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử địa phương; Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử.	Không quy định	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	- 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu. - Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn. - Có điểm truy cập số cộng đồng: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối Internet cáp quang băng rộng. - Tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn. - Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm.			Không quy định

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	- Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn xã được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp, công đoạn xử lý chất thải khác (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã.			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	$\geq 90\%$	Tỷ lệ xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi; xử lý, tái chế phụ phẩm nông nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đạt $\geq 90\%$.			
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ^[3] , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) ^[4] đạt ≥50%. - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%.		Sở Xây dựng
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Có phương án và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước, hương ước, gồm: hệ thống cây xanh; hệ thống ao, hồ; đường làng, ngõ xóm; khu vực công cộng đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.			Sở Nông nghiệp và Môi trường

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
9	Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	- Trung tâm phục vụ hành chính công đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Bộ Tư pháp, gồm: Nhóm tiêu chí về công khai, minh bạch; Nhóm tiêu chí về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Nhóm tiêu chí về bố trí điều kiện bảo đảm; Nhóm tiêu chí về đánh giá chất lượng; Nhóm tiêu chí về xử lý phản ánh, kiến nghị và vi phạm.			Văn phòng UBND tỉnh
				- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 92\%$	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 91\%$	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	
10	Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Công an, gồm: An ninh trật tự được đảm bảo; Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động.			Công an tỉnh

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách tiêu chí
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Công an, gồm: Có hồ sơ xây dựng hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã; Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet – Các yêu cầu an ninh mạng cơ bản – QCVN 11:2026/BCA; Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã phát huy vai trò hiệu quả trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn; hỗ trợ kiểm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ so với cùng kỳ năm trước trên địa bàn.			Công an tỉnh
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Quốc phòng, gồm: Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân cấp xã; Thực hiện các tiêu chí quân sự, quốc phòng; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã; Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo; Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng.			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

^[1] Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

^[2] 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

^[3] Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

^[4] Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên.

Phụ lục II
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt được	Đơn vị phụ trách tiêu chí
I	Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai)	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm	Đạt	Thống kê tỉnh
III	Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại		
1	Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo		
1.1	Bảo đảm hạ tầng số		
a	Tỷ lệ thôn, làng, khu phố có hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao (cáp quang, 4G/5G)	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
b	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ hạ tầng mạng Internet băng rộng cáp quang	100%	
c	Tỷ lệ các địa điểm có bố trí điểm truy cập Internet không dây (Wi-Fi) miễn phí phục vụ người dân (bao gồm: trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, khu vực sinh hoạt cộng đồng, trạm y tế và điểm du lịch)	100%	
d	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung, Cổng/Trang thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động của địa phương và các thông tin phù hợp khác theo quy định của pháp luật để người dân dễ dàng tra cứu, tiếp cận	100%	
đ	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo các nền tảng số cơ bản, thiết yếu; ứng dụng AI trong công việc hằng ngày	100%	

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt được	Đơn vị phụ trách tiêu chí
e	Chính quyền xã quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống dữ liệu số phục vụ điều hành, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
g	Chính quyền cấp xã sử dụng hệ thống, nền tảng họp không giấy trong các cuộc họp	100%	
h	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoạt động theo mô hình hiện đại, lấy người dân làm trung tâm, gắn với chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm dịch vụ công	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
i	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến toàn trình	≥95%	
k	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	
1.2	Sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo: Có công trình công cộng (trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đường giao thông, điểm du lịch...) được lắp đặt hệ thống năng lượng mới hoặc tái tạo	Đạt	Sở Công Thương
2	Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
2.1	Có mô hình nông nghiệp thông minh: Có mô hình nông nghiệp thông minh trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn, phòng, chống thiên tai,... hoạt động hiệu quả và có thể nhân rộng	≥01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.2	Phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
a	Tỷ lệ sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt được	Đơn vị phụ trách tiêu chí
b	Có hợp tác xã nông nghiệp sử dụng dữ liệu số trong sản xuất - kinh doanh (theo dõi thời tiết, đất đai, giống, dịch bệnh, thị trường...)	≥ 01 hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường
c	Tỷ lệ thôn, làng, khu phố có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông và có kết nối đồng bộ qua Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
d	Có 100% trường học các cấp triển khai Học bạ số, 50% trường học các cấp triển khai phần mềm quản lý trường học	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
đ	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử và được theo dõi, quản lý sức khỏe	100%	Sở Y tế
3	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn		
3.1	Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 42\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống		
4.1	Tỷ lệ hộ đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch, 3 an”	$\geq 95\%$	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt được	Đơn vị phụ trách tiêu chí
4.2	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 95\%$ (trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt $\geq 50\%$)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4.3	Được công nhận đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện cấp xã	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.4	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu “thôn, tổ dân phố văn hóa”	$\geq 95\%$	
5	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn		
5.1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5.2	Tỷ lệ km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, hoa hoặc thảm cỏ	$\geq 80\%$	
5.3	Tỷ lệ km đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý	100%	
6	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại		
6.1	Trong 02 năm liền kề tính đến thời điểm xét, xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an.	Đạt	Công an tỉnh

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt được	Đơn vị phụ trách tiêu chí
6.2	Xã được xác định địa bàn không ma túy theo quy định tại Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy.	Đạt	Công an tỉnh
6.3	Trụ sở làm việc của Công an cấp xã được xây dựng theo quy định; được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị bảo đảm tiêu chuẩn, định mức, giải quyết hiệu quả dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.	Đạt	
6.4	Trong 02 năm liên kế tính đến thời điểm xét, tập thể Công an xã được phân loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cá nhân vi phạm bị xử lý kỷ luật.	Đạt	